

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **266/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 27/8/2025

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – HÀ NỘI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà HTTH

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà NTH

2. Ông NQĐ

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà NTAM - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 305/2025/TLST - HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2025/QĐXX-ST ngày 22/7/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị NTMH, sinh năm 1975

Trú tại: Số nhà 20/387/91 VTP, phường KĐ, TX, Hà Nội (Nay là Số nhà 20/387/91 VTP, phường KĐ, thành phố Hà Nội). Có mặt

Bị đơn: Anh PHT, sinh năm 1971

Trú tại: Số nhà 5C/29/70/16 KH, phường KĐ, quận TX, thành phố Hà Nội. (Nay là Số nhà 5C/29/70/16 KH, phường KĐ, thành phố Hà Nội). Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị NTMH trình bày:

Chị và anh PHT kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/8/2006 tại UBND phường TL, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do anh chị không có tiếng nói chung, anh T thường xuyên đánh đập chửi bới chị. Năm 2019 anh T đánh chị và con gái phải đi viện. Vì thế anh chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Trong suốt quá trình ly thân, anh T không thay đổi gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Chị nhận thấy mâu thuẫn giữa anh chị không thể hàn gắn, chị không còn tình cảm với anh T, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để chị sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 02 người con chung là cháu PPA, sinh ngày 05/12/2006 và cháu PAT, sinh ngày 09/10/2017. Ly hôn, chị đề nghị

Tòa án giao cháu PAT cho chị trực tiếp nuôi dưỡng do cháu hiện nay đang sinh sống cùng chị và cháu cũng mong muốn được ở với chị. Cháu PPA đã trưởng thành nên việc ở với ai do cháu tự quyết định. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung (động sản, bất động sản) và các khoản nợ chung: Chị và anh T không có tài sản, nhà ở chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về các khoản nợ chung: Chị và anh T không có khoản nợ chung nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh PHT đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và vắng mặt không có lý do, không chấp hành nghĩa vụ của đương sự đối với Tòa án theo quy định của pháp luật. Tòa án đã ra Thông báo yêu cầu anh T thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng nhưng anh T cũng không có văn bản gửi cho Tòa án, tự tước bỏ quyền của người tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- *Chị H trình bày:* Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh T vì xác định tình cảm vợ chồng không còn; Về con chung: Chị giữ nguyên nguyện vọng xin được nuôi con chung là PAT, sinh ngày 09/10/2017 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; Cháu PPA đã trưởng thành nên việc ở với ai do cháu tự quyết định; Về tài sản chung, nhà đất chung, nợ chung: Chị xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân Khu vực 2- Hà Nội vắng mặt tại phiên tòa do trùng lịch xét xử của phiên tòa khác, gửi Bài Phát biểu cho Tòa án trình bày quan điểm về đường lối giải quyết vụ án như sau:

- *Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, của Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng:* Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử ngày hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng.

- *Về nội dung vụ án:* Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83, 107, 110, 116,117 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Nghị quyết 326/30.12.2016 của UBTVQH quy định về án phí xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị NTMH, xử cho chị NTMH và anh PHT được ly hôn; Về con chung: Anh T, chị H có 02 con chung là cháu PPA, sinh ngày 05/12/2006 và cháu PAT, sinh ngày 09/10/2017. Sau khi ly hôn, giao cháu PAT cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh T đến khi có thay đổi hoặc yêu cầu khác. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở; Cháu PPA đã trưởng thành nên việc ở với ai do cháu tự quyết định, Toà án không xem xét giải quyết.

Về tài sản, nhà ở và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn chị NTMH có đơn xin ly hôn đối với anh PHT (Có địa chỉ: Số nhà 5C/29/70/16 KH, phường KĐ, thành phố Hà Nội) căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội.

- *Về sự vắng mặt của đương sự:* Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị NTMH và anh PHT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TL, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 118 ngày 29/8/2006 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hoà thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh T thường xuyên đánh đập, chửi bới chị, anh chị không có tiếng nói chung. Từ năm 2019, anh chị đã sống ly thân. Điều này chứng tỏ hôn nhân của anh chị đã tồn tại những mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài nhưng anh chị không đưa ra được biện pháp giải quyết, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết tại Toà án, chị H xác định không còn tình cảm với anh T, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Anh T đã được Toà án báo gọi nhiều lần đến Toà án làm việc, hoà giải nhưng anh T không đến Tòa giải quyết vụ án, vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc nên Tòa án không thể tiến hành cho anh T tự khai hoặc lấy lời khai của anh T cũng như không thể tiến hành hòa giải cho chị H, anh T đoàn tụ; hơn nữa việc anh T vắng mặt tại các buổi hoà giải cũng như khi Toà án xét xử thể hiện anh T không mong muốn hoà giải đoàn tụ vợ chồng.

Căn cứ vào lời trình bày của đương sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng

hôn nhân của chị H, anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H khai anh chị có 02 người con chung là cháu PPA, sinh ngày 05/12/2006 và cháu PAT, sinh ngày 09/10/2017. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu PAT cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, cháu T hiện nay đang sinh sống cùng chị và cháu cũng mong muốn được ở với chị. Cháu PPA đã trưởng thành nên việc ở với ai do cháu tự quyết định. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con chung của chị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu anh T lên làm việc và xuất trình các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án cũng như việc nuôi con nhưng anh T vắng mặt không có lý do, không chấp hành nghĩa vụ của đương sự đối với Tòa án theo quy định của pháp luật, do đó không có cơ sở để xác định anh T có đảm bảo được điều kiện về vật chất và tinh thần để nuôi dưỡng, giáo dục con chung không. Hơn nữa, thời gian anh chị sống ly thân, cháu T ở với chị H, được phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần, hơn nữa cháu T là con gái, còn nhỏ rất cần sự chăm sóc tỉ mỉ của người mẹ nên thấy không cần thiết phải thay đổi môi trường sống của cháu. Do đó, yêu cầu xin nuôi con chung của chị H là có căn cứ chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do chị H không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh T đến khi chị H có yêu cầu.

Anh T có quyền nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung (động sản+ bất động sản) chung: Chị H xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị NTMH xác nhận không có khoản nợ chung nào nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.5] Về án phí: Chị NTMH phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2- Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Luật số 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014.

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; 147; khoản 2 Điều 227; các Điều 271; 273; 278; 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị NTMH đối với anh PHT.

Chị NTMH được ly hôn anh PHT

[2]. Về con chung: Chị NTMH và anh PHT có 02 người con chung là cháu PPA, sinh ngày 05/12/2006 và cháu PAT, sinh ngày 09/10/2017. Ly hôn, giao cháu PAT, sinh ngày 09/10/2017 cho chị NTMH trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi có thay đổi hoặc yêu cầu khác. Cháu PPA đã trưởng thành nên việc ở với ai do cháu tự quyết định.

Anh PHT có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai

[3]. Về tài sản chung (gồm động sản + bất động sản) và các khoản nợ chung:

- Về động sản, bất động sản chung: Chị H xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét.

- Về nợ chung: Chị H xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[4]. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0037397 ngày 13/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận TX (nay là Phòng thi hành án dân sự- Khu vực 2 Hà Nội). Xác định chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

THẨM

Nơi nhận:

TOÀ

- *Người tham gia tố tụng*
- *VKSND khu vực 2 – Hà Nội*
- *TAND T.P Hà Nội*
- *VKSND T.P Hà Nội*
- *Phòng THADS khu vực 2 – Hà Nội*
- *Lưu hồ sơ vụ án*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Hoàng Thị Thu Hiền

